TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng;

2. Bà Phạm Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2025/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà Hồ Mỹ L, sinh năm 1986;

Căn cước công dân số: 083186005311 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11 tháng 8 năm 2021.

Hộ khẩu thường trú: Số A, ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Chỗ ở hiện nay: ấp F, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long).

2. Bị đơn:

Ông Mai Thành P, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Số A, ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

(Bà L có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Hồ Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Thành P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 05/11/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng. Hiện bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông P không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Thành P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Mai Thành P là bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội).

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Hồ Mỹ L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà L là phù hợp.

Bị đơn ông Mai Thành P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhưng ông P không có mặt, vụ án không tiến hành mở phiên hòa giải được và tại phiên tòa ông P vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà L thì sau khi kết hôn, bà và ông P chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông P, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông P thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng, thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông P để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông P không đến. Tại phiên tòa, ông P vẫn tiếp tục vắng mặt. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông P là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông P là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà L khai không có nên không xét đến.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 (Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội).

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Mỹ L đối với bị đơn ông Mai Thành P về việc "Ly hôn", cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Mỹ L được ly hôn với ông Mai Thành P. Ghi nhận bà L không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà L khai không có nên không xét đến.

1.3. Về nợ chung, tài sản chung: Bà L khai không có nên không xét đến.

2. Về án phí: Bà Hồ Mỹ L phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003581 ngày 29/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnhVĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Phú Túc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm My